

Số: 40 /BC-UBND

Kiên Giang, ngày 05 tháng 02 năm 2021

## **BÁO CÁO**

**Tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.**

Thực hiện Công văn số 5066/BTTTT-THH ngày 23/12/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc báo cáo tình hình triển khai Quyết định số 749/QĐ-TTg và cung cấp số liệu phục vụ đánh giá Chỉ số Chuyển đổi số cấp tỉnh.

Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang báo cáo tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, với nội dung như sau:

### **I. TÌNH HÌNH TRIỂN KHAI, KẾT QUẢ ĐẠT ĐƯỢC**

**1. Tình hình thực hiện các mục tiêu, chỉ tiêu theo Quyết định 749/QĐ-TTg (tính đến tháng 12/2020)**

#### **a) Chỉ tiêu phát triển Chính phủ số:**

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 về chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030; xây dựng dự thảo Quyết định kiện toàn Ban Chỉ đạo Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang, trong đó có bổ sung chức năng, nhiệm vụ về chuyển đổi số.

Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc: Hệ thống phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc (QLVB&HSCV) dùng chung cho tất cả các cơ quan nhà nước cấp tỉnh, UBND cấp huyện, UBND cấp xã, đảm bảo liên thông 4 cấp: Trung ương - tỉnh - huyện - xã. Cấp tỉnh có 22 đơn vị sở, ban, ngành; cấp huyện có 15 UBND huyện, thành phố và 327 phòng, ban chuyên môn trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố; cấp xã có 145 UBND xã, phường, thị trấn. Đồng thời liên thông trực liên thông văn bản quốc gia. Trong năm 2020, văn bản được gửi/nhận ở cả 3 cấp (tỉnh - huyện - xã) trên toàn hệ thống trong năm là 1.33.520 lượt. Hệ thống đã tích hợp chữ ký số để phát hành văn bản điện tử ký số đảm bảo an toàn thông tin, đảm bảo tính pháp lý của văn bản trên môi trường mạng, góp phần giảm thời gian, chi phí đi lại, giấy tờ của các đơn vị, chuyển đổi tác phong, lề lối làm việc, nâng cao chất lượng, hiệu quả, năng suất lao động, giảm thời gian xử lý công việc của các cơ quan Nhà nước, phục vụ tốt người dân và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.



+ Tỷ lệ văn bản trao đổi giữa các cơ quan hành chính nhà nước dưới dạng điện tử: 97% (Trong đó có 30% chuyển sang bản điện tử và bản giấy).

+ Tỷ lệ cơ quan thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ Sơ công việc từ cấp tỉnh đến cấp huyện: 100%.

+ Tỷ lệ cơ quan thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ Sơ công việc từ cấp tỉnh đến cấp xã: 100%.

- Quản lý và sử dụng chữ ký số: 100% các cơ quan nhà nước, đoàn thể từ cấp tỉnh đến cấp xã ứng dụng chứng thư số chuyên dùng Chính phủ, chứng thư số dịch vụ để thực hiện ký số văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng thay thế văn bản giấy, chứng từ điện tử trong giao dịch kho bạc. Tỉnh cũng đang chuyển đổi từ chữ ký số dịch vụ sang chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ phục vụ trong các cơ quan nhà nước. Đến hết năm 2020 đã có 1.537 chữ ký số chuyên dùng của Chính phủ được cấp. Trong đó, có 1.086 chứng thư số của cá nhân và 451 của tổ chức.

- Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến: Đã đầu tư hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến tỉnh Kiên Giang với 22 điểm cầu đặt tại: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh và 15 huyện, thành phố. Bên cạnh đó, tỉnh đã triển khai hệ thống hội nghị truyền hình cho 63 đơn vị cấp xã thuộc 06 huyện Kiên Hải, An Minh, Giang Thành, Vĩnh Thuận, Phú Quốc và Giồng Riềng nâng tổng số các đơn vị được đầu tư toàn tỉnh có 85 điểm cầu hội nghị truyền hình trực tuyến.

- Hệ thống Camera quan sát trực tuyến triển khai 15/15 bộ phận một cửa cấp huyện làm cơ sở cho việc giám sát thực thi công vụ và kịp thời chấn chỉnh phong cách và lề lối làm việc của cán bộ, công chức, viên chức khi tiếp xúc với người dân và doanh nghiệp.

- Hệ thống Cổng thông tin điện tử (TTĐT) tỉnh Kiên Giang (kiengiang.gov.vn) được xây dựng theo mô hình đồng bộ về công nghệ, liên thông về dữ liệu, thông tin, gồm: 01 Cổng chính và 51 Cổng thành phần, trong đó có 22 Cổng TTĐT của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; 15 Cổng TTĐT các huyện, thành phố và 14 Cổng TTĐT các xã, phường, thị trấn; đáp ứng đầy đủ về danh mục và tin tức theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ. Đến cuối năm 2020, đã có 5.234.342 lượt truy cập, gần 4.000 tin tức, sự kiện (trong năm) được đăng tải trên cổng chính kiengiang.gov.vn.

- Hệ thống Một cửa điện tử được triển khai đồng bộ đến 100% các sở, ban, ngành tỉnh, UBND các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh phục vụ công tác tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường mạng ngày càng mang lại hiệu quả tích cực. Tính từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020, hệ thống đã tiếp nhận và xử lý 224783 hồ sơ TTHC, trong đó các sở, ban, ngành cấp tỉnh là 26.829 hồ sơ, cấp huyện là 86.436 hồ sơ và cấp xã là 103.841 hồ sơ, tỷ lệ đúng hạn trên phần mềm điện tử đạt 81%.

- Cổng dịch vụ công trực tuyến (DVCTT) tỉnh cung cấp tổng số 2.001 dịch vụ công trực tuyến, trong đó có 1.257 mức độ 2, 322 mức độ 3 và 422 mức độ 4 (đạt tỷ lệ 19,8 % số DVCTT ở cấp độ 4); tỉnh đang tiếp tục rà soát để cập nhật, ban hành danh mục DVCTT, phân đầu đạt chỉ tiêu 30% mức độ 4 theo quy định tại Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ. Cơ bản hoàn thành việc kết nối, liên thông Cổng DVCTT tỉnh và Cổng Dịch vụ công quốc gia theo chỉ đạo của Văn phòng Chính phủ với tổng số 09 DVCTT mức độ 3; tiếp tục triển khai tích hợp với cổng thanh toán quốc gia PayGov, kết nối các cơ sở dữ liệu quốc gia trọng yếu (CSDL về dân cư, đất đai, doanh nghiệp, TTHC, lý lịch tư pháp)... Cổng DVCTT cũng cung cấp chức năng tra cứu thông tin, thống kê tình trạng xử lý hồ sơ TTHC, khảo sát, đánh giá và công khai mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp khi giao dịch với các cơ quan nhà nước thực hiện TTHC.

- Hệ thống tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp tại địa chỉ <https://dichvucong.kiengiang.gov.vn/hoi-dap> đã được tích hợp trên Cổng dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 274/QĐ-TTg ngày 12/3/2019 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Cổng DVCTT cung cấp giao diện tùy biến cho thiết bị di động để tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính. Xây dựng thành công Ứng dụng di động để công khai kết quả giải quyết TTHC, tra cứu hồ sơ... trên cả 02 nền tảng hệ điều hành di động phổ biến nhất là Android và IOS “Kết quả TTHC Kiên Giang”. Công khai mức độ hài lòng của người dân khi sử dụng cổng dịch vụ công trực tuyến, hỗ trợ giải đáp thắc mắc của người dân doanh nghiệp đa kênh. Trong đó, Tổng đài Dịch vụ hành chính công tỉnh Kiên Giang 1022 hỗ trợ kịp thời người dân, tổ chức và doanh nghiệp khi có thắc mắc về giải quyết TTHC với các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh đã phát huy hiệu quả và mang lại sự phục vụ thiết thực.

- Hỗ trợ người dân và doanh nghiệp sử dụng Cổng DVCTT, tỉnh đã triển khai thỏa thuận hợp tác với Tổng Công ty Bưu điện Việt Nam mô hình liên thông phần mềm và tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ Bưu chính công ích; thực hiện công tác tuyên truyền với nhiều hình thức: Phát hành định kỳ chuyên mục “Đẩy mạnh ứng dụng và phát triển CNTT” trên Báo Kiên Giang (trong năm 2020 đã phát hành 50 kỳ); định kỳ phát chuyên mục “Chính quyền điện tử” trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kiên Giang (trong năm 2020 đã phát 72 kỳ), xây dựng các video clip hướng dẫn sử dụng DVCTT, in 20.000 tờ rơi đặt tại nơi làm việc của Bộ phận một cửa của các đơn vị để phát cho người dân khi đến thực hiện TTHC,... Ngoài ra, tỉnh cũng đã chỉ đạo Đài Truyền thanh các huyện, thành phố cho phát thanh các bài viết liên quan đến việc cung cấp các DVCTT trên môi trường mạng giúp người dân, doanh nghiệp có cái nhìn tổng quan về vấn đề cải cách hành chính của tỉnh.

- Cung cấp nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu của tỉnh: Tháng 10/2020, tỉnh đã hoàn thành việc triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu dùng chung cấp tỉnh (LGSP), hoàn thành kết nối, liên thông với Trục liên thông văn bản Quốc gia; kết nối, tích hợp Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh với Cổng dịch vụ công Quốc gia. Bên cạnh đó, tỉnh còn thực hiện kết nối, liên thông giữa phần mềm Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc với Cổng dịch vụ công của tỉnh.

- Ủy ban nhân dân tỉnh đang nghiên cứu, trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành cơ chế, chính sách và quy định về đãi ngộ cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách công nghệ thông tin trên địa bàn tỉnh, chính sách đào tạo bồi dưỡng nhân lực phục vụ công cuộc chuyển đổi số. Phấn đấu đến hết 2021 mỗi cơ quan, đơn vị sẽ bố trí ít nhất một cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đảm bảo an toàn thông tin và vận hành thông suốt hệ thống thông tin cho cơ quan, đơn vị, được hỗ trợ tập huấn, đào tạo và bồi dưỡng chuyên môn hàng năm.

### **b) Chỉ tiêu phát triển Kinh tế số:**

Năm 2020, do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 và các biện pháp giãn cách xã hội để phòng, chống, đã tác động đến kinh tế, giao thương kinh tế gặp nhiều khó khăn. Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) theo giá so sánh 2010 đạt 68.957 tỷ đồng, tăng 3,05%, đây là mức tăng thấp nhất so với cùng kỳ các năm trong giai đoạn 2016 - 2019.

Cơ cấu kinh tế tiếp tục có sự chuyển dịch đúng hướng: Khu vực nông nghiệp chiếm tỷ trọng 32,74%; khu vực công nghiệp - xây dựng chiếm 20,65%; khu vực dịch vụ chiếm 42,67%; thuế nhập khẩu, thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm 3,95% trong GRDP. Tổng thu nhập bình quân đầu người ước 2.418 USD/người/năm

Sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản chịu tác động lớn của biến đổi khí hậu, hạn hán, xâm nhập mặn, một số mặt hàng nông sản tiêu thụ chậm trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch Covid-19. Thủy sản phát triển thuận lợi, đảm bảo nguồn cung dồi dào và giá bán ổn định. Đẩy mạnh áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và cơ giới hóa, giúp giảm chi phí đầu vào, tiết kiệm thời gian, giá bán nông sản tăng. Giá trị sản xuất khu vực nông, lâm, thủy sản ước đạt 63.477,22 tỷ đồng, tăng 1,54% kế hoạch, tăng 3,34% so cùng kỳ. Tổng sản lượng khai thác và nuôi trồng trong năm ước 836.175 tấn, đạt 110,75% kế hoạch, giảm 1,1% so cùng kỳ. Trong đó, sản lượng khai thác ước 572.070 tấn, đạt 115,57% kế hoạch và giảm 4,68% so cùng kỳ; sản lượng nuôi trồng ước 264.105 tấn, đạt 101,58% kế hoạch và tăng 7,64% so cùng kỳ; trong đó, tôm nuôi nước lợ ước 92.490 tấn, đạt 108,81% kế hoạch, tăng 11,75% so cùng kỳ.

Do tác động của dịch bệnh Covid-19 nên sản lượng hàng hóa sản xuất, tiêu thụ của đa số các doanh nghiệp đều đạt thấp so cùng kỳ năm 2019, nguyên nhân là doanh nghiệp thiếu nguyên liệu sản xuất, không có đơn hàng mới, đơn hàng đã ký bị tạm hoãn; có 2.150 lao động trong 02 Khu công nghiệp bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, trong đó, số lao động bị chấm dứt hợp đồng lao động là 927



người, số lao động ngừng việc là 1.223 người, chủ yếu tập trung tại 02 doanh nghiệp sản xuất giày da, tổng số lao động đang làm việc tại 02 Khu công nghiệp 10.193 lao động. Trong năm cấp quyết định chủ trương đầu tư cho 02 dự án, lũy kế đến nay có 24 dự án cấp giấy chứng nhận đầu tư với tổng vốn đăng ký 6.603 tỷ đồng.

Các hoạt động thương mại và dịch vụ truyền thông giảm do tâm lý tiêu dùng của người dân trong bối cảnh dịch bệnh còn diễn biến phức tạp, nhất là trong những tháng phải thực hiện giãn cách xã hội. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước thực hiện 110.827 tỷ đồng, đạt 91,03% kế hoạch, tăng 2,41% so với cùng kỳ. Trong đó:

- Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 82.705 tỷ đồng, đạt 93,21% kế hoạch, tăng 4,86% so với cùng kỳ;

- Doanh thu dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 14.992 tỷ đồng, đạt 84,08% kế hoạch, giảm 5,41% so với cùng kỳ;

- Doanh thu du lịch lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 220 tỷ đồng, đạt 43,85% kế hoạch, giảm 50,67% so với cùng kỳ;

- Doanh thu hoạt động dịch vụ khác ước đạt 12.910 tỷ đồng, đạt 87,94% kế hoạch, tăng 1,07% so với cùng kỳ.

Du lịch gặp nhiều khó khăn, nhiều doanh nghiệp du lịch lâm vào tình trạng hoạt động cầm chừng, các thị trường khách du lịch đến địa phương trong giai đoạn này suy giảm mạnh, tình trạng hủy tour lên đến 60% - 80%; có 339 doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh du lịch tạm ngưng đóng cửa, giải thể hoặc chuyển nhượng kinh doanh. Đã triển khai Chương trình kích cầu du lịch với nhiều gói giảm giá, khuyến mãi các dịch vụ để đẩy mạnh nhu cầu du lịch nội địa; ký kết với các Công ty lữ hành xây dựng các chương trình tham quan du lịch nội tỉnh với giá khuyến mãi, giảm giá tour. Đồng thời, hỗ trợ giảm giá điện cho 267 cơ sở lưu trú du lịch nhằm tháo gỡ khó khăn cho cơ sở để sớm khôi phục lại hoạt động du lịch. Trong năm, tổng lượt khách đến tham quan du lịch ước 5.206.720 lượt khách, đạt 55,8% kế hoạch, giảm 40,7% so với cùng kỳ; trong đó, khách quốc tế đạt 184.953 lượt khách, đạt 24,7% kế hoạch và giảm 74,1% so với cùng kỳ. Tổng doanh thu ngành du lịch ước đạt 7.867 tỷ đồng, đạt 39,3% kế hoạch, giảm 57,7% so với cùng kỳ.

Tập trung xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, chuẩn bị tích cực để sớm triển khai xây dựng các công trình trọng điểm. Công tác quản lý kết cấu hạ tầng giao thông được quan tâm thực hiện. Giao thông nông thôn đã đầu tư xây dựng mới 382 km, đạt 100% kế hoạch, góp phần hoàn thành tiêu chí giao thông các xã đạt tiêu chí nông thôn mới. Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của các ngành, các cấp tình hình vận tải hàng hóa, hành khách năm 2020 đảm bảo phục vụ tốt cho việc đi lại của Nhân dân trong và sau đại dịch bệnh Covid-19. Đến nay, vận tải hành khách ước tính 83,566 triệu lượt khách, đạt 84,6% kế hoạch, giảm 4,37% so cùng

kỳ; vận tải hàng hóa ước tính 11,402 triệu tấn, đạt 81,41% kế hoạch, giảm 7,84% so cùng kỳ; doanh thu ước đạt 11.501 tỷ đồng, giảm 6,31% so cùng kỳ.

Do dịch bệnh Covid-19, tình hình sản xuất, kinh doanh gặp nhiều khó khăn, đồng thời việc thực hiện các chính sách miễn, giảm, gia hạn thuế, phí và tiền thuê đất để tháo gỡ khó khăn cho sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp đã ảnh hưởng đến số thu ngân sách nhà nước. Song, với sự quyết tâm cao của các cấp, các ngành và cộng đồng doanh nghiệp, người dân, đặc biệt là cán bộ ngành Thuế, đã góp phần đảm bảo chỉ tiêu ngân sách theo dự kiến. Tổng thu ngân sách nhà nước ước 11.850 tỷ đồng, đạt 102,69% dự toán, bằng 98,47% so với cùng kỳ. Tổng chi ngân sách ước 16.312,37 tỷ đồng, bằng 98,95% kế hoạch, tăng 3,21% so với cùng kỳ.

Theo công bố của VCCI, năm 2019 chỉ số PCI của tỉnh được 64,99 điểm, xếp hạng 35/63 tỉnh, thành (*nhóm khá*), giảm 4 bậc (*năm 2018 xếp thứ 31 (nhóm khá)*, với số điểm là 63,65) và đứng thứ 7/13 tỉnh đồng bằng sông Cửu Long.

Trong năm 2020, cũng do ảnh hưởng của dịch Covid-19, hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã gặp nhiều khó khăn, số thành lập mới giảm, số ngừng hoạt động và giải thể tăng. Ước năm 2020, thành lập mới 1.400 doanh nghiệp (DN), giảm 2,8% so với năm 2019; số DN giải thể, ngừng hoạt động 705 DN, tăng 12% so với năm 2019. Lũy kế toàn tỉnh có 10.374 doanh nghiệp với số vốn đăng ký 127.980,9 tỷ đồng. Năm 2020, thành lập mới 35 Hợp tác xã (giảm 29 % so với năm 2019) với số vốn 25,3 tỷ đồng, lũy kế toàn tỉnh có 475 HTX (tăng 6,3% so với năm 2019).

Một số doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh cũng đã bắt đầu quan tâm hơn về vai trò CNTT và chuyển đổi số, xác định CNTT đang trở thành nền tảng và công cụ để nâng cao năng suất, chất lượng hoạt động sản xuất, kinh doanh trong thời kỳ hoạt động gặp nhiều khó khăn, xác định chuyển đổi số là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, là công việc bắt buộc phải triển khai để thích ứng với quá trình chuyển dịch của Kinh tế số.

Với lĩnh vực Bru chính, doanh thu năm 2020 đạt 253 tỷ đồng, đạt 83,06% so với cùng kỳ năm 2019. Nộp ngân sách năm 2020 đạt 6,3 tỷ đồng. Trên địa bàn tỉnh hiện có 16 chi nhánh, văn phòng đại diện kinh doanh trong lĩnh vực bu chính, chuyên phát. Các doanh nghiệp hoạt động sản xuất, kinh doanh ổn định, tuân thủ các quy định của pháp luật. Việc ứng dụng CNTT trong các đơn vị Bru chính - Chuyên phát, trang bị hệ thống chia chọn tự động, giúp cho việc phân phối hàng hóa được nhanh chóng, đảm bảo chất lượng dịch vụ, đồng thời cập nhật thông tin tự động để hỗ trợ hoạt động điều hành kịp thời.

Với lĩnh vực viễn thông, doanh thu ước đạt 2.463 tỷ đồng (đạt 111% kế hoạch). Chất lượng dịch vụ điện thoại và tốc độ Internet luôn được đảm bảo phù hợp các chỉ tiêu đã công bố của doanh nghiệp theo quy định và duy trì ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập Internet và các dịch vụ có liên quan của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

### **c) Chỉ tiêu phát triển Xã hội số:**

Hạ tầng bưu chính, viễn thông được triển khai đồng bộ, dịch vụ bưu chính, viễn thông trong tỉnh phát triển khá nhanh, về cơ bản đã đáp ứng được nhu cầu thông tin, liên lạc trong quản lý, kinh doanh và đời sống xã hội. Các dịch vụ bưu chính cơ bản được triển khai đến tận vùng sâu, biên giới, hải đảo, 100% xã, phường có điểm phục vụ bưu chính. Dịch vụ điện thoại cố định và di động đã được phủ sóng toàn tỉnh. Tính đến năm 2020, mật độ thuê bao điện thoại (bao gồm cả cố định và di động) đạt 110,9 thuê bao/100 dân. Tỷ lệ dân số được phủ sóng thông tin di động 4G đạt 96%. Dịch vụ truy nhập Internet băng rộng đạt 75,8 thuê bao/100 dân (trong đó Internet băng rộng cố định đạt 17,6 thuê bao/100 dân).

Các doanh nghiệp viễn thông ngày càng mở rộng cung cấp các dịch vụ mới: Thanh toán điện tử; triển khai giải pháp CNTT. Chất lượng dịch vụ điện thoại và tốc độ Internet luôn được đảm bảo phù hợp các chỉ tiêu đã công bố của doanh nghiệp theo quy định và duy trì ổn định, đáp ứng tốt nhu cầu thông tin liên lạc, truy cập Internet và các dịch vụ có liên quan của các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

### **2. Việc tuyên truyền, chuyển đổi nhận thức về chuyển đổi số:**

Tỉnh Kiên Giang đã đăng tải nhiều tin bài về Chuyển đổi số, Cẩm nang chuyển đổi số - Bộ Thông tin và Truyền thông (bản điện tử) trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh và các Cổng thành phần của cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; lồng ghép các nội dung tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 vào “Chương mục Chính quyền điện tử” được phát sóng định kỳ trên Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh Kiên Giang; định hướng cho các cơ quan báo đài tuyên truyền, phổ biến, tăng cường tin, bài về các chính sách, vai trò, vị trí và tầm quan trọng của việc chuyển đổi số, phổ biến, nhân rộng các điển hình đổi mới công nghệ, chuyển đổi số thành công; nâng cao sự tiếp cận thông tin cho người dân trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới.

Tuyên truyền, phổ biến Kế hoạch Chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 để từ đó nâng cao nhận thức về chuyển đổi từ người đứng đầu các cơ quan, đơn vị. Người đứng đầu chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn mình phụ trách. Người đứng đầu cơ quan, tổ chức cam kết đổi mới, cho phép thử nghiệm cái mới, ứng dụng công nghệ mới vì mục tiêu phát triển bền vững, liên kết các thành phần khác nhau theo mô hình kinh tế tuần hoàn; thúc đẩy phát triển công nghiệp sáng tạo trong ngành, lĩnh vực, địa phương mình phụ trách.

Trong tháng 11/2020, tỉnh Kiên Giang cũng đã phối hợp với Cục Tin học hóa - Bộ Thông tin và Truyền thông tổ chức thành công lớp tập huấn đào tạo 100 chuyên gia về Chính quyền điện tử, Chuyển đổi số tại thành phố Phú Quốc thuộc tỉnh Kiên Giang. Lớp tập huấn đã phổ biến nhiều chính sách thúc đẩy và phát

triển Chuyển đổi số tại Việt Nam mà trọng tâm là Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”; hướng dẫn Bộ chỉ số chuyển đổi số cấp Bộ, cấp tỉnh theo Quyết định số 1726/QĐ-BTTTT ngày 12/10/2020 về Đề án “Xác định Bộ chỉ số đánh giá Chuyển đổi số của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và của quốc gia”.

### **3. Chiến lược, kế hoạch, chính sách, thể chế phục vụ chuyển đổi số**

Thực hiện Kế hoạch số 186/KH-UBND ngày 24/12/2020 về chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030, tỉnh đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp, tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số trong các cơ quan nhà nước, các ngành, lĩnh vực, kinh tế và xã hội. Từng bước đổi mới nhận thức, hình thành tư duy cho đội ngũ cán bộ, công chức về phát triển và ứng dụng công nghệ số trong quản lý nhà nước, trong phát triển kinh tế - xã hội để thúc đẩy đổi mới sáng tạo nhằm thực hiện hóa các cơ hội, tiềm năng chuyển đổi số mang lại khi công nghệ số được đưa vào mọi lĩnh vực đời sống; tích cực sử dụng các sản phẩm của doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước. Thúc đẩy các ngành xây dựng chiến lược chuyển đổi số của mình trên tinh thần Kế hoạch số 186/KH-UBND, đảm bảo cho quá trình chuyển đổi đồng bộ và thiết thực.

Hoàn thành việc xây dựng và ban hành cập nhật Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Kiên Giang gắn kết với chương trình chuyển đổi số, hướng đến Kiến trúc Chính quyền số tỉnh Kiên Giang; nghiên cứu xây dựng và triển khai Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số tỉnh Kiên Giang phù hợp với Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số quốc gia trong năm 2021; hướng đến xây dựng bộ tiêu chí chuyển đổi số trong các cơ quan, đơn vị, bộ tiêu chí cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin, đặc biệt cán bộ chuyên trách an toàn thông tin. Xây dựng cơ chế đặc thù, đãi ngộ cho đội ngũ chuyên trách an toàn thông tin trong quá trình chuyển đổi số.

### **4. Phát triển hạ tầng, nền tảng số phục vụ chuyển đổi số**

Tổng số máy tính tại các CQNN của tỉnh khoản 5.182 (máy), trong đó có 5.000 máy tính được cài phần mềm diệt virus bản quyền và phần mềm phòng chống mã độc theo Chỉ thị số 14/CT-TTg ngày 25/5/2018 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cao năng lực phòng, chống phần mềm độc hại; tỷ lệ trung bình máy tính/cán bộ công chức (CBCC) đạt 97,5%; 100% cơ quan nhà nước của tỉnh có mạng cục bộ (LAN), được kết nối mạng Internet với tốc độ trung bình 100 Mbps với các cơ quan cấp tỉnh, huyện; 60 Mbps đối với cấp xã.

Với 08 doanh nghiệp cung cấp dịch vụ viễn thông trên địa bàn tỉnh. Đến nay, tổng số thuê bao điện thoại ước đạt là 1.901.917 thuê bao giảm 1,3% so với năm 2019, đạt 98% so với kế hoạch; mật độ thuê bao điện thoại đạt 110 thuê bao/100 dân. Trong đó, thuê bao điện thoại cố định là 41.063 thuê bao, giảm 14,9% so với



năm 2019, đạt 89% so với kế hoạch; thuê bao điện thoại di động là 1.860.854 thuê bao, giảm 1%, đạt 98% so với kế hoạch. Tổng số thuê bao Internet băng rộng cố định và di động là 1.438.004 thuê bao tăng 11,48% so với năm 2019. Trong đó, thuê bao Internet băng rộng cố định là 322.114 thuê bao, tăng 25,37% so với năm 2019, đạt 119% so với kế hoạch; thuê bao Internet băng rộng di động là 1.115.890 thuê bao, tăng 7,93%, đạt 99% so với kế hoạch, doanh thu ước đạt 2.463 tỷ đồng (đạt 111% kế hoạch).

Triển khai kế hoạch cải tạo, chỉnh trang, bó gọn cáp viễn thông trong nội ô, đô thị trên địa bàn tỉnh Kiên Giang, phối hợp với các cơ quan, doanh nghiệp: Điện lực tỉnh, UBND thành phố Rạch Giá, VNPT Kiên Giang, Viettel Kiên Giang, Mobifone Kiên Giang, SCVT Kiên Giang, FPT Kiên Giang tiến hành bó gọn cáp viễn thông trên địa bàn thành phố Rạch Giá; giải quyết kiến nghị xử lý tình trạng các tuyến cáp viễn thông gây ảnh hưởng cảnh quan đô thị tại địa bàn huyện Giồng Riềng; phối hợp công tác quản lý tần số vô tuyến điện, trong đó, đã hướng dẫn 06 cá nhân và tổ chức đăng ký để được cấp giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (máy bộ đàm, máy bộ đàm đặt trên tàu đường thủy); kiểm tra việc tổ chức và đảm bảo thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh; dự thảo Kế hoạch thực hiện ngấm hóa cáp viễn thông trên địa bàn tỉnh Kiên Giang giai đoạn 2020 - 2025.

Chỉ đạo các doanh nghiệp viễn thông tạo điều kiện thuận lợi cho các thuê bao chuyển mạng viễn thông di động mặt đất giữ nguyên số; ban hành Công văn xin ý kiến UBND tỉnh việc không xây dựng đơn giá cho thuê công trình hạ tầng kỹ thuật viễn thông sử dụng chung tỉnh Kiên Giang; phối hợp với Liên doanh nhà thầu BENTA-SAMETEL triển khai lắp đặt 416 đầu thu truyền hình số vệ tinh DTH hộ nghèo, cận nghèo (huyện Phú Quốc 413 và Kiên Hải 3).

Trong những năm qua, tỉnh đã quan tâm, chỉ đạo thực hiện quyết liệt công tác bảo đảm an toàn thông tin các hệ thống thông tin trên địa bàn tỉnh Kiên Giang. Ban hành Quyết định số 1350/QĐ-UBND ngày 10/6/2020 về quy chế quản lý, vận hành và khai thác Trung tâm dữ liệu tỉnh Kiên Giang nhằm đảm bảo các hệ thống thông tin được vận hành thông suốt, ổn định và an toàn thông tin, cụ thể một số hệ thống sau: Cổng thông tin điện tử và các Cổng thông tin điện tử thành phần; Hệ thống Quản lý văn bản và Hồ sơ công việc; Hệ thống Thư điện tử công vụ; Hệ thống Một cửa điện tử; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hệ thống Cổng dịch vụ công trực tuyến tỉnh. Các hệ thống phần mềm quản lý chuyên ngành về Kế hoạch và Đầu tư, Nông nghiệp, Nội vụ, Tư pháp, Dân tộc.

Triển khai xây dựng Trung tâm Giám sát an toàn, an ninh mạng và điều hành các hệ thống thông tin tỉnh Kiên Giang - SOC (khai trương chính thức đưa vào vận hành từ ngày 09/10/2020) kết nối với Trung tâm Giám sát an toàn không gian mạng quốc gia nhằm thực hiện theo dõi, giám sát và đảm bảo an toàn thông tin các hệ thống thông tin trọng yếu của tỉnh Kiên Giang trên mô hình 4 lớp theo chỉ đạo của Chính phủ, hướng dẫn của Bộ Thông tin và Truyền thông. Thời gian qua,



trong quá trình theo dõi, giám sát công tác đảm bảo an toàn thông tin của Trung tâm dữ liệu tỉnh, hàng năm đã phát hiện và ngăn chặn kịp thời hơn 1.000 cuộc tấn công có chủ đích, mức độ nguy hiểm cao vào hệ thống. Việc triển khai Trung tâm SOC còn giúp người dân có thể phản ánh mọi vấn đề bất cập của đô thị một cách kịp thời thông qua ứng dụng trên thiết bị di động và giúp chính quyền đô thị tiếp nhận, giải quyết các bất cập nhanh chóng, chính xác và hiệu quả. Tập hợp và thống kê các số liệu kinh tế, xã hội của tỉnh, hỗ trợ cho lãnh đạo trong việc chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh. Nguồn dữ liệu sẽ được tích hợp, chia sẻ với các ngành Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Thuế, Hải quan, Thống kê, hệ thống điều hành giám sát, hoạt động 24/7 để chủ động phòng, chống nguy cơ mất an toàn thông tin và chủ động phòng vệ, phản ứng trước các cuộc tấn công mạng theo đúng tinh thần Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết số 17/NQ-CP của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025.

## **5. Tình hình chuyển đổi số trong các lĩnh vực ưu tiên chuyển đổi số theo Quyết định số 749/QĐ-TTg**

### ***Chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế:***

Hiện nay, 100% các bệnh viện, các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh tích cực đẩy mạnh ứng dụng CNTT trong hoạt động khám, chữa bệnh và thanh quyết toán BHYT, thanh toán viện phí được nhanh chóng, thuận lợi, hiệu quả. Các bệnh viện trên địa bàn tiếp tục triển khai Quyết định số 1313/QĐ-BYT ngày 22/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Y tế hướng dẫn quy trình khám bệnh tại khoa khám bệnh của bệnh viện, Quyết định số 3532/QĐ-BYT ngày 12/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định về xây dựng và triển khai Hệ thống thông tin quản lý trạm y tế xã, phường, thị trấn và Quyết định số 6111/QĐ-BYT ngày 29/12/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc phê duyệt Đề án triển khai ứng dụng công nghệ thông tin tại trạm y tế xã, phường, thị trấn giai đoạn 2018 - 2020... để từ đó nâng cao chất lượng quản lý, điều hành các cơ sở y tế, khám chữa bệnh, giảm thủ tục, thời gian chờ đợi của người dân với nhiều giải pháp như cải tạo khoa khám bệnh, lắp đặt hệ thống phát số tự động, ứng dụng các phần mềm quản lý khám chữa bệnh cho việc vận hành hoạt động các cơ sở y tế, đồng bộ về thông tin, thao tác trên môi trường điện tử một cách thuận lợi, hiệu quả và nhanh chóng.

### ***Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục:***

Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong tập huấn, bồi dưỡng cũng được Sở Giáo dục và Đào tạo đầu tư, chú trọng góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý và phù hợp với tình hình phòng, chống dịch Covid-19, đặc biệt là việc đẩy mạnh ứng dụng mô hình đào tạo trực tuyến trong thời gian giãn cách xã hội. Tỉnh cũng đang nghiên cứu triển khai mô hình trường học thông minh. Theo đó, các trường được đầu tư thí điểm hệ thống phòng họp - đào tạo trực tuyến, hệ thống sẽ đảm nhận chức năng tổ chức họp, giao ban, tham gia các lớp đào tạo từ xa của Sở Giáo dục và Đào tạo, hệ thống bao gồm điểm cầu trung tâm đặt tại Sở Giáo dục

và Đào tạo tỉnh Kiên Giang và các điểm cầu nhánh đặt tại các trường học. Điểm cầu trung tâm gồm máy chủ hội nghị, máy chủ ứng dụng và lưu trữ, hệ thống camera, bộ giải mã, và hệ thống âm thanh, bộ lưu điện và các máy tính phục vụ đào tạo trực tuyến. Hệ thống “Phòng học kết nối” được đầu tư màn hình tương tác cho phép giáo viên dạy học bằng giáo trình điện tử, hệ thống âm thanh di động để hỗ trợ cho giáo viên và một camera hỗ trợ việc giám sát an toàn, an ninh trường học cũng như dự giờ từ xa. Hệ thống thư viện điện tử được xây dựng bao gồm hệ thống máy chủ ứng dụng và máy chủ dữ liệu được đặt tại trung tâm dữ liệu, tại phía các trường được đầu tư hệ thống phòng thư viện gồm các máy tính, bàn ghế và máy in, photo, các phòng thư viện của trường được nối với hệ thống máy chủ thông qua Hệ thống hạ tầng công nghệ thông tin. Dự kiến sẽ có hơn 100 phòng học kết nối, đa năng; 09 hệ thống họp và đào tạo trực tuyến, 09 thư viện điện tử sẽ được triển khai trong thời gian tới.

### ***Chuyển đổi số trong lĩnh vực nông nghiệp:***

Với địa hình đặc trưng, bao gồm cả đồi núi thấp, đồng bằng và vùng biển với hơn 140 hòn đảo lớn nhỏ, bờ biển dài trên 200 km, hơn 100 cửa sông, kênh, rạch thoát nước ra biển, Kiên Giang là tỉnh có nền kinh tế biển lớn nhất, có vị thế, tiềm năng rất lớn để phát triển nuôi trồng thủy sản trên tất cả các loại hình mặn, lợ, ngọt. Với khoảng 200.000 ha nuôi thủy sản hàng năm, sản lượng tương đương 195.000 tấn, Kiên Giang là một trong những tỉnh có quy mô, sản lượng thủy sản nuôi lớn nhất cả nước và khu vực nuôi thủy sản trọng điểm ĐBSCL.

Trước tình hình đó, UBND tỉnh Kiên Giang cần có biện pháp đẩy mạnh công tác bảo vệ nguồn nước. Áp dụng khoa học công nghệ hiện đại vào công tác quan trắc, giúp cơ quan quản lý có các thông tin số liệu kịp thời, giải quyết các vấn đề tồn đọng chưa được giải quyết trong thời gian qua.

Có thể nói, việc đưa vào vận hành các trạm quan trắc tự động là một trong những nỗ lực vượt bậc trong việc bảo vệ nguồn tài nguyên môi trường. Bởi trước đây, khi chưa có hệ thống quan trắc tự động, các quan trắc viên chỉ có thể quan trắc tại một thời điểm nên không thể đưa ra những đánh giá chính xác về diễn biến của môi trường tại từng khu vực. Với hệ thống hiện tại thì vừa tiết kiệm được nhân lực, phương tiện, mà các số liệu chuyển về hệ thống trung tâm cũng chính xác và kịp thời hơn rất nhiều. Cùng với xu hướng phát triển và với những yêu cầu trong giai đoạn mới đối với hoạt động quan trắc môi trường, thời gian tới Kiên Giang tiếp tục triển khai mở rộng nhiều dự án tự động hóa hoạt động quan trắc môi trường. Bên cạnh đó là việc ứng dụng công nghệ mới, hiện đại trong hoạt động quan trắc, truyền dữ liệu, phân tích, xử lý số liệu... Điều này không chỉ giúp cho công tác giám sát, phòng dịch bệnh trong nuôi trồng thủy sản một cách hiệu quả mà còn góp phần bảo vệ môi trường tinh nhà. Hệ thống được đầu tư từ năm 2017 với các hạng mục:

- Trung tâm điều hành tiếp nhận, xử lý số liệu: 01 trung tâm;

- Trạm quan trắc nước nuôi trồng thủy sản kết hợp quan trắc chất lượng nước xả thải KCN, cảng cá, nước thải dân sinh: 02 trạm;
- Trạm quan trắc nước biển nuôi cá lồng bè: 02 trạm;
- Trạm quan trắc nước sông nuôi tôm: 03 trạm;
- Hệ thống hiển thị thông tin quan trắc môi trường: 07 hệ thống.

Việc ứng dụng CNTT trong quan trắc môi trường tự động, giám sát dịch bệnh để kịp thời cảnh báo, hướng dẫn, chỉ đạo sản xuất đạt hiệu quả, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu nhằm hạn chế thiệt hại trong nuôi trồng thủy sản góp phần thực hiện đạt chỉ tiêu diện tích, sản lượng nuôi trồng thủy sản kết hợp công tác bảo vệ môi trường của tỉnh.

### ***Chuyển đổi số trong lĩnh vực du lịch:***

Tỉnh đã tranh thủ thời cơ huy động mọi điều kiện, nguồn lực nhằm khai thác có hiệu quả các điều kiện, tiềm năng và thế mạnh trên địa bàn để phát triển du lịch, sớm đưa tỉnh Kiên Giang trở thành trung tâm du lịch khu vực đồng bằng sông Cửu Long. Chiến lược phát triển thị trường khách du lịch tỉnh Kiên Giang dựa trên quan điểm là tăng thị trường khách du lịch quốc tế là cơ bản, ổn định thị trường khách du lịch nội địa là then chốt. Đẩy mạnh ứng dụng CNTT xây dựng một hệ sinh thái du lịch hiện đại. Triển khai hoàn thiện Hệ thống website tích hợp video thực tế ảo quảng bá hình ảnh du lịch, hệ thống mua vé trực tuyến, ứng dụng di động (Mobile App) và các hoạt động quảng bá hình ảnh du lịch” thực hiện nhiệm vụ đẩy mạnh ứng công nghệ thông tin trong lĩnh vực du lịch. Đây là nội dung cần thiết, mô hình du lịch thông minh trên cơ sở một nền tảng tích hợp các ứng dụng CNTT, các thiết bị IoT, sẽ mang lại nhiều tiện ích cho cả nhà quản lý, du khách và doanh nghiệp - đơn vị cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Việc ứng dụng CNTT vào lĩnh vực này qua các giao dịch, phản hồi từ khách du lịch, đối tác bằng con đường điện tử tại tỉnh được đẩy mạnh sẽ góp phần to lớn trong việc thực hiện, hoàn thành các chỉ tiêu đặt ra của tỉnh như tăng cường thu hút du khách, thu hút đầu tư nước ngoài.

### ***Chuyển đổi số trong một số lĩnh vực khác:***

Tiếp tục thúc đẩy các ngân hàng thương mại cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng đa dạng kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình cung cấp dịch vụ. Đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận, thụ hưởng các dịch vụ tài chính - ngân hàng dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ số.

Chuyển đổi các hạ tầng logistics (như cảng biển, hàng không, kho vận,...). Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện, cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện số.

Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số.

## II. NHIỆM VỤ TRIỂN KHAI THỜI GIAN TỚI

Tiếp tục triển khai có hiệu quả các nội dung, nhiệm vụ của địa phương theo Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển Chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến năm 2025. Nghị định số 47/2020/NĐ-CP ngày 09/4/2020 của Chính phủ về quản lý, kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”.

Tái cấu trúc hạ tầng công nghệ thông tin của các sở, ban, ngành, huyện, thành phố. Chuyển đổi hạ tầng công nghệ thông tin thành hạ tầng số ứng dụng công nghệ điện toán đám mây phục vụ kết nối, quản lý các nguồn lực, dữ liệu của cơ quan nhà nước một cách an toàn, linh hoạt, ổn định và hiệu quả.

Đẩy mạnh triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án, dự án số hoá, chuyển đổi số quy trình nghiệp vụ của cơ quan nhà nước. Đẩy nhanh tiến độ triển khai các cơ sở dữ liệu quốc gia trên địa bàn tỉnh, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, cơ sở dữ liệu mở phục vụ yêu cầu quản lý nhà nước đối với các ngành, lĩnh vực và hỗ trợ doanh nghiệp phát triển. Từng bước hình thành các hệ thống cơ sở dữ liệu dùng chung, cơ sở dữ liệu mở cấp tỉnh.

Phát triển, mở rộng các hệ thống nền tảng, dùng chung của tỉnh; 100% CSDL dùng chung được chia sẻ, kết nối trên trục tích hợp, chia sẻ dữ liệu (LGSP); các cơ quan nhà nước các cấp từng bước mở dữ liệu để phục vụ cung cấp dịch vụ công, thúc đẩy phát triển kinh tế số, xã hội số.

Phát triển hạ tầng, dịch vụ viễn thông băng rộng đến người dân. Xây dựng hoặc tham gia vào chương trình quốc gia, chương trình phối hợp với các nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, doanh nghiệp để triển khai phổ cập Internet, điện thoại di động thông minh giá rẻ đến rộng rãi Nhân dân. Thúc đẩy thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn tỉnh. Trước tiên là nêu cao tinh thần, trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, công chức, viên chức và người lao động trong cơ quan nhà nước. Xây dựng các chương trình khuyến khích ứng dụng trong xã hội.

Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy, thanh toán viện phí, hình thành các bệnh viện thông minh; xây

dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế.

Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triết để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; xây dựng nền tảng chia sẻ tài nguyên giảng dạy và học tập theo cả hình thức trực tiếp và trực tuyến. Phát triển công nghệ phục vụ giáo dục, hướng tới đào tạo cá thể hoá và tạo cơ hội mạnh mẽ giảm khoảng cách trong việc tiếp cận và hiệu quả trong việc học tập.

Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành như về đất đai, cây trồng, vật nuôi, thủy sản. Xây dựng mạng lưới quan sát, giám sát tích hợp trên không và mặt đất phục vụ các hoạt động nông nghiệp. Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực sản xuất công nghiệp theo hướng chú trọng phát triển các trụ cột: Xây dựng chiến lược và cơ cấu tổ chức thông minh, nhà máy, công xưởng thông minh, vận hành thông minh, tạo ra các sản phẩm thông minh, xây dựng dịch vụ về dữ liệu và phát triển kỹ năng số cho người lao động.

Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để phục vụ các hoạt động hỗ trợ chuyển đổi nhận thức, kiến tạo thể chế, phát triển hạ tầng số, phát triển nền tảng số, tạo lập niềm tin, bảo đảm an toàn an ninh mạng, hợp tác quốc tế, nghiên cứu phát triển và đổi mới sáng tạo trong môi trường số và chuyển đổi kỹ năng trong môi trường số và các nhiệm vụ thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện.

### III. KHÓ KHĂN, VƯỚNG MẮC

Việc triển khai ứng dụng CNTT trong hoạt động cơ quan nhà nước còn chưa đồng đều, càng về cơ sở thì điều kiện về hạ tầng và nhân lực cho ứng dụng và phát triển công nghệ thông tin, Chính quyền điện tử, Chính quyền số càng gặp nhiều khó khăn; còn một số ít cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, nhất là cán bộ, công chức lãnh đạo chưa tham gia xử lý, giải quyết công việc trên môi trường mạng; còn một số cơ quan, đơn vị chưa được quan tâm đúng mức công tác an toàn thông tin.

Hiệu quả triển khai các Dịch vụ công trực tuyến còn hạn chế, hồ sơ giải quyết trực tuyến mức 3, 4 qua Cổng dịch vụ công của tỉnh còn thấp. Đối tượng sử dụng Dịch vụ công trực tuyến phần lớn là các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh, người dân địa phương vẫn chưa tham gia sử dụng dịch vụ.

Việc ứng dụng CNTT trong CQNN thiếu sự đồng bộ và chia sẻ, kết nối liên thông, đặc biệt là việc kết nối, liên thông giữa các hệ thống thông tin của địa phương với các hệ thống thông tin theo ngành dọc của Bộ, ngành Trung ương



triển khai, việc tuân thủ mô hình Kiến trúc Chính phủ điện tử và Chính quyền điện tử thông qua các Trục kết nối chia sẻ chưa được như kỳ vọng.

Việc định danh điện tử, xác thực điện tử, số hóa hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính, hình thành kho dữ liệu số cho tổ chức, cá nhân để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, công dân giảm bớt thủ tục hành chính khi nộp hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính chưa được quy định và triển khai một cách đồng bộ và toàn diện.

Nhân lực cho xây dựng Chính quyền điện tử, Chính quyền số và công cuộc chuyển đổi số thiếu cả về số lượng và chất lượng nguồn nhân lực. Chưa có chế độ chính sách đãi ngộ cho cán bộ chuyên trách và bán chuyên trách thực hiện nhiệm vụ về công nghệ thông tin tại các sở, ban, ngành, địa phương.

#### IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Xem xét cập nhật, bổ sung Luật Công nghệ thông tin ngày 29/6/2006; Nghị định số 64/2007/NĐ-CP về việc ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động cơ quan nhà nước; ban hành quy chế chia sẻ dữ liệu dùng chung giữa các Bộ, ngành, địa phương và các văn bản pháp luật khác để tạo dựng hành lang pháp lý triển khai Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử; quy định, hướng dẫn về chính sách đãi ngộ cho CBCC chuyên trách và phụ trách CNTT các cấp.

Bộ Thông tin và Truyền thông phối hợp với Văn phòng Chính phủ thống nhất, hướng dẫn địa phương trong việc tinh giản các quy trình thực hiện dịch vụ công trực tuyến, danh mục dịch vụ công mức độ 4 (đối với những dịch vụ công khả thi khi cung cấp lên mức độ 4) đảm bảo tính thiết thực và khả năng triển khai hiệu quả đến người dân, doanh nghiệp; đánh giá việc triển khai dịch vụ công trực tuyến tại các địa phương qua hiệu quả thực chất và sự hài lòng của người dân để tránh tình trạng các địa phương chạy theo chỉ tiêu, mục tiêu định lượng.

Trên đây là Báo cáo của Ủy ban nhân dân tỉnh Kiên Giang về tình hình triển khai thực hiện Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030./. H2

#### Nơi nhận:

- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- TT. Tỉnh ủy;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT và các PCT.UBND tỉnh;
- Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;;
- LĐVP, CVNC;
- Lưu: VT, nvthanh, "HT".



**Nguyễn Lưu Trung**

KIÊN GIANG